



Công ty CP may Hữu Nghị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---oOo---

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024 CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HỮU NGHỊ

Thời gian tổ chức: 8h30 ngày 21 tháng 04 năm 2024

Địa điểm: Nhà hàng Windsor Plaza Lầu 7.

18 An Dương Vương Quận 5, TpHCM



Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Tp Hồ Chí Minh ngày 21 tháng 04 năm 2024.

**QUY CHẾ LÀM VIỆC CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HỮU NGHỊ**

- Căn cứ vào điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần may Hữu Nghị đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Hội đồng quản trị Công ty may Hữu Nghị kính trình Đại hội nội dung qui chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 như sau :

Điều 1. Mục tiêu

- Hoàn thành nhiệm vụ của Đại hội đề ra và đạt được sự đồng thuận cao nhất của cổ đông.
- Đảm bảo nguyên tắc làm việc công khai, công bằng dân chủ, đoàn kết.
- Vì quyền lợi của cổ đông và đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững của Công ty.

Điều 2. Trật tự của Đại hội

- Tất cả các cổ đông đến tham dự Đại hội mặc trang phục chỉnh tề, lịch sự, xuất trình đầy đủ các giấy tờ tùy thân, thư mời họp và các giấy tờ liên quan đến việc xác minh tư cách đại biểu tại bàn tiếp đón.
- Giữ trật tự và tư cách nghiêm túc trong giờ họp. Không hút thuốc lá, không nói chuyện ồn ào, không sử dụng điện thoại di động trong Hội trường (nếu có nhu cầu xin mời Quý cổ đông trao đổi bên ngoài Hội trường), giao tiếp hòa nhã, thân thiện.
- Tất cả Quý cổ đông trước tham dự Hội nghị phải đeo khẩu trang rửa tay với dung dịch sát khuẩn và kiểm tra thân nhiệt trước khi vào hội nghị.
- Trong thời gian tham dự Hội Nghị đề nghị Quý Cổ Đông hạn chế tiếp xúc gần với nhau, hạn chế đi lại và ngồi đúng vị trí.

Điều 3. Biểu quyết thông qua các vấn đề của Đại hội.

- Nguyên tắc: theo yêu cầu của chủ tọa Đại hội cần lấy biểu quyết các vấn đề, Đại hội sẽ tiến hành biểu quyết công khai bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết do Ban tổ chức Đại hội phát ra. Thẻ biểu quyết có in tên, mã số cổ đông, số cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu.
- Cách biểu quyết: với nội dung được yêu cầu biểu quyết, cổ đông thống nhất ý kiến hoặc không thống nhất ý kiến bằng cách giơ thẻ biểu quyết, cổ đông không giơ thẻ biểu quyết được xem như đồng ý nội dung cần biểu quyết.

Điều 4. Thảo luận nội dung họp và giải đáp thắc mắc.

Sau khi tiến hành xong các báo cáo được trình tại Đại hội, Chủ tọa Đại hội tiếp tục chủ trì phiên thảo luận, tiếp nhận ý kiến của các cổ đông và giải đáp thắc mắc theo nguyên tắc và cách thức sau:

- Cổ đông tham dự Đại hội trực tiếp phát biểu đóng góp ý kiến với Đại hội.



2. Chủ tọa Đại hội chỉ trả lời trực tiếp các câu hỏi trọng tâm, các câu hỏi liên quan đến các nội dung trong chương trình Đại hội, mang tính chất đại diện cho nhiều cổ đông, không trả lời trực tiếp và giải thích chi tiết các nội dung đã được công bố thông tin, đã được quy định trong pháp luật, các nội dung có tính chất giải thích chuyên môn, chi tiết mang tính chất phục vụ yêu cầu riêng biệt của cá nhân cổ đông.
3. Các câu hỏi thông tin riêng lẻ hoặc không liên quan trực tiếp đến nội dung Đại hội, sẽ được ban thư ký tập hợp và trả lời bằng văn bản hoặc thông tin trên website của công ty.
4. Các câu hỏi không kịp trả lời trong Đại hội do thời gian có hạn, cũng sẽ được trả lời bằng văn tới cổ đông.

Điều 5. Trách nhiệm của chủ tọa Đại hội

1. Điều khiển Đại hội theo đúng nội dung của chương trình nghị sự, các quy chế, thể lệ đã được Đại hội thông qua. Chủ tọa Đại hội làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
2. Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.
3. Giải quyết các vấn đề phát sinh (nếu có) trong quá trình diễn ra Đại hội.

Điều 6. Trách nhiệm của Ban thẩm tra tư cách cổ đông, Ban thư ký và Ban kiểm phiếu.

1. Ban thẩm tra tư cách cổ đông do ban Tổ chức Đại hội phân công, làm nhiệm vụ kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội và báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông.
2. Ban thư ký gồm 01 người do chủ tọa Đại hội giới thiệu, chịu trách nhiệm trước chủ tọa Đại hội và Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình; ghi chép đầy đủ trung thực toàn bộ nội dung diễn biến tại Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua kể cả các vấn đề còn bảo lưu tại Đại hội; ghi chép biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.
3. Ban kiểm phiếu gồm 03 người do Chủ tọa Đoàn giới thiệu và được Đại hội thông qua, nhiệm vụ kiểm tra và ghi nhận kết quả biểu quyết, kết quả bầu cử tại Đại hội.

Trên đây là toàn bộ nội dung Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần may Hữu Nghị.

Kính trình Đại hội thông qua .

QUY CHẾ LÀM VIỆC NÀY CÓ HIỆU LỰC THỰC HIỆN NGAY SAU KHI ĐƯỢC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA.

BAN TỔ CHỨC



CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Thời gian: Từ 8h30 đến 11h30 ngày 21 tháng 04 năm 2024

Địa điểm: Tại Windsor Plaza Hồ Chí Minh Lầu 7.

Thành phần: Các cổ đông được mời theo danh sách chốt ngày 25 tháng 03 năm 2024.

Thời gian	Nội dung	Thời lượng
8h00 – 8h30	Đón tiếp và thẩm tra tư cách đại biểu.	30 phút
8h30 – 8h45	Báo cáo của Ban kiểm tra tư cách cổ đông, tuyên bố tính hợp pháp, hợp lệ của Đại hội.	15 phút
8h45 – 9h00	Khai mạc Đại hội - Tuyên bố lý do tổ chức Đại hội. - Giới thiệu đại biểu. - Thông qua quy chế làm việc của Đại hội (Biểu quyết). - Bầu đoàn chủ tịch (Biểu quyết)	15 phút
9h00 – 9h10	- Đoàn chủ tịch thông qua Ban thư ký. - Đoàn chủ tịch thông qua chương trình của Đại hội.	10 phút
9h10 – 10h10	- Thông qua báo cáo của Chủ tịch về kết quả thực hiện SXKD năm 2023 và KH SXKD năm 2024. - Thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2023. - Thông qua báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT năm 2023 và KH năm 2024.	60 phút
10h10 – 10h30	Thông qua các tờ trình: - Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023. - Chi phí thù lao, hoạt động của hội đồng quản trị và ban kiểm soát năm 2023. - Thương lợi nhuận vượt kế hoạch cho HĐQT năm 2023. - Chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024.	20 phút
10h30 – 10h45	Ban kiểm soát thông qua kết quả hoạt động năm 2023 và kế hoạch năm 2024.	15 phút
10h45 – 10h50	Thông qua việc chủ tịch hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc năm 2024.	5 phút



Thời gian	Nội dung	Thời lượng
11h00 – 11h15	Thông qua biên bản Đại hội.	15 phút
11h30	Tuyên bố bế mạc.	

T.M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



HÀ VĂN DUYỆT



Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Tp Hồ Chí Minh ngày 21 tháng 04 năm 2024.

Kính thưa:

- Đại hội cổ đông thường niên năm 2024.
- Quý vị cổ đông.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SXKD NĂM 2023 KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2024

Nội dung gồm:

- Thực hiện SXKD năm 2023.
- Kế hoạch SXKD năm 2024.
- Thông qua báo cáo hoạt động của HĐQT và ban kiểm soát.
- Thông qua tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2023.

Phần 1: Đánh giá chung

- Nhìn chung năm 2023 là năm tiếp theo của năm 2022. Tình hình kinh tế chính trị toàn cầu diễn ra hết sức phức tạp, các cuộc xung đột giữa các nước có xu hướng tăng cao, lan rộng và rất khó chấm dứt trong thời gian ngắn. Từ đó ảnh hưởng đến kinh tế toàn cầu, lạm phát, nghèo đói tăng cao.
- Tuy vậy nền kinh tế Việt Nam vẫn phát triển mức GDP 5 % so với năm 2022.
- Năm 2023, xuất khẩu dệt may đạt khoảng 40,3 tỷ USD giảm hơn 9% so với năm 2022. Bối cảnh thị trường thế giới biến động mạnh, lạm phát tăng cao, sức mua giảm sút.
- Tình hình khó khăn công ty vẫn duy trì được năng lực cả về quy mô cũng như chất lượng hệ thống. Lo đủ hàng hóa cho các chuyển sản xuất trong khi nhiều doanh nghiệp phải tạm ngừng sản xuất, thu hẹp sản xuất do thiếu hàng.
- Cơ cấu quản lý công ty duy trì 06 phòng ban, 03 xí nghiệp sản xuất. Tổng lao động toàn công ty là 2.635 người.

Phần 2: Thực hiện các chỉ tiêu năm 2023



- Thực tế năm 2023 là một năm gặp nhiều khó khăn nguyên nhân nguồn hàng thiếu hụt, lao động không ổn định do dịch Covid19 để lại. Các nhà cung cấp không đáp ứng được chất lượng, không đồng bộ, thời gian giao hàng trễ, chi phí vận chuyển cao từ đó làm giá thành thiếu cạnh tranh.

Tuy có khó khăn nhưng có sự quyết tâm chỉ đạo lãnh đạo và quyết tâm cao của tập thể CBCNV. Các chỉ tiêu từ Đại hội cổ đông 2023 đề ra đều đạt kết quả tốt.

1. Thực hiện các chỉ tiêu

- Biểu số 01|KHKD.2023 và báo cáo tài chính số 02|KT.2023.
- Các chỉ tiêu và báo cáo quyết toán tài chính đều được kiểm toán theo đúng chế độ quy định.

2. Kết quả nổi bật trong năm 2023

Chỉ tiêu	Giá trị	so KH	+/-	Tỷ lệ
- Kim ngạch xuất khẩu	36,8 triệu usd	-	tăng	2,2%
- Doanh thu	869 tỷ đồng	-	giảm	0.5 %
- Lợi nhuận sau thuế đạt	73,4 tỷ đồng	-	tăng	229 %
- Thu nhập bình quân	9,9 triệu đồng	-	tăng	5,1 %
- Chia cổ tức bằng tiền mặt	35,66 tỷ đồng	-		100 %

- Tình hình tài chính công ty lành mạnh, nộp ngân sách đầy đủ, đúng hạn, không nợ lương, BHXH, thuế thu nhập cá nhân và các khoản công nợ khác.
- Công tác đầu tư: liên tục đổi mới, thiết bị hiện đại, đáp ứng tiêu chí xanh sạch đẹp của khách hàng yêu cầu.
- Được tổ chức, đánh giá và trao tặng: thương hiệu mạnh ASEAN 2023 do ban tổ chức phát triển doanh nghiệp Châu Á.
- Khách hàng đánh giá:
 - Phát triển mẫu : Tốt
 - Giao hàng đúng hạn : Tốt
 - Chất lượng hệ thống: Tốt
 - Trách nhiệm xã hội : Trung bình
- Đảm bảo trật tự, an ninh, chính trị và an toàn phòng chống chữa cháy không có chuyện gì xảy ra.

3. Phương án phân phối lợi nhuận của HDQT và BKS năm 2023



- Căn cứ vào báo cáo quyết toán tài chính đã được kiểm toán xác nhận. Phương án phân phối lợi nhuận như sau:
 - Tờ trình 01|PPLN.2023 phương án phân phối lợi nhuận.
 - Tờ trình 02|LNVKH.2023 trích thưởng cho HĐQT.
 - Tờ trình 03|CP.HĐQT&BKS.2023 trích chi phí hoạt động cho HĐQT và BKS.

Phần 3: Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024

I. Đánh giá chung

- Năm 2024 ngành dệt may toàn cầu có dấu hiệu hồi phục nhưng phát triển không đều. Số lượng đơn hàng, khách hàng đã cung cấp đủ 50-60% năng lực sản xuất. Song giá thấp so với cùng kỳ, cùng đơn hàng đã ký năm 2023 giá thấp hơn 10%. Phần còn lại 40-50% năng lực sản xuất chưa có cơ sở dự đoán là có tiếp đơn hàng nữa hay không.
- Tình hình lao động sau Tết âm lịch biến động từ 10% đến 15%, công tác tuyển dụng gặp nhiều khó khăn, nếu đào tạo cũng phải mất 3 tháng và chất lượng tay nghề chỉ đạt 70% dẫn tới chất lượng hàng hóa sản xuất ra không đạt, giao hàng không đúng lịch như vậy rủi ro là rất lớn.
- Nguồn cung cấp nguyên vật liệu chủ yếu từ Trung Quốc, chất lượng kém, giao hàng không đúng hạn làm quy trình sản xuất phải chờ đợi, hàng hóa chờ đóng gói ứ ứ làm cho giá thành cao khó cạnh tranh.

II. Kế hoạch SXKD năm 2024

1. Mục tiêu cơ bản và biện pháp thực hiện kế hoạch năm 2024.

- Mục tiêu cơ bản của công ty năm 2024 là ổn định được năng lực sản xuất và phải có hiệu quả.
- Duy trì cơ cấu tổ chức quản lý của công ty
 - Văn phòng công ty : 6 phòng, 130 lao động.
 - Xí nghiệp 6 : 32 chuyên, 1400 lao động.
 - Xí nghiệp 7 : 12 chuyên, 550 lao động.
 - Xí nghiệp 45 : 550 lao động.
 - Tổng cộng : 2.630 lao động.
- Lao động đào tạo cho phân xưởng 56 từ tháng 9.2024: 400 người.
- Duy trì phương thức sản xuất:



- 65% sản xuất FOB để xuất khẩu vào thị trường Mỹ và EU.
- 25% sản xuất CM phương thức gia công để xuất khẩu vào thị trường Nhật.
- 10 % sản xuất tiêu thụ nội địa và sản xuất CM cho khách hàng phát triển.
- Các chỉ tiêu giao tăng 5% so với KH năm 2023
- Xem biểu số 01|KHKD.2023 cho KH năm 2024.

2. Biện pháp thực hiện

- Duy trì hợp tác khách hàng truyền thống và tìm kiếm mở rộng khách hàng mới để đảm bảo đủ số hàng cho các Xí nghiệp và đáp ứng năng lực mở rộng ở TP Sa Đéc và Long An.
- Thường xuyên cập nhật tình hình SXKD, dự báo thị trường 03 tháng 1 lần để điều chỉnh KH SXKD cho phù hợp.
- Giảm năng lực sản xuất do không có đơn hàng hay thiếu lao động kết hợp sắp xếp lại sản xuất cho hợp lý để giảm chi phí sản xuất.
- Đẩy mạnh biện pháp tăng năng suất lao động để có doanh thu bù trả lương còn thấp như hiện nay.
- Tiếp tục triển khai chương trình đầu tư phân xưởng 56 Xí nghiệp 6. Giá trị 80 tỷ đã được ĐHCĐ năm 2023 thông qua.
- Tổ chức đại hội người lao động vào tháng 06 năm 2024.
- Bám sát hoạt động SXKD và xử lý các tình huống rủi ro phải hết sức năng động và kịp thời.
- Tăng cường biện pháp bảo vệ an ninh, an toàn phòng cháy chữa cháy toàn công ty.
- Chuẩn bị đầy đủ hàng hóa cho công nhân đủ việc làm trước & sau tết.
- Bám sát hoạt động SXKD và xử lý các tình huống rủi ro hết sức năng động và kịp thời.

Phần 5: Hoạt động của HĐQT và BKS .

1. Hoạt động của HĐQT

- Trong năm 2023 HĐQT đã làm tốt chức năng theo điều lệ và nghị quyết của Đại hội cổ đông đề ra.
- Nội dung họp HĐQT đề ra các nghị quyết trong từng thời điểm phù hợp với nghị quyết của ĐHCĐ thường niên hằng năm.



- Ngoài ra, HĐQT thường xuyên theo dõi diễn biến thị trường, tổ chức khảo sát thị trường, hoạt động SXKD để chỉ đạo ban điều hành thực hiện tốt nhiệm vụ.
 - Lập kế hoạch tổ chức đoàn đi khảo sát, đàm phán, ký kết hợp đồng khi cần thiết.
2. Hoạt động của BKS
- Hoạt động của BKS hoạt động theo đúng chức năng, thời gian họp 1 quý 1 lần.
 - HĐQT và BKS tự đánh giá là hoàn thành nhiệm vụ trong năm 2023 song vẫn có những thiếu sót, mong các cổ đông tham gia góp ý để HĐQT và BKS khắc phục.
3. Chi phí hoạt động của HĐQT và BKS
(xem tờ trình số 03 /CP.HĐQT&BKS-2023)
4. Thưởng cho HĐQT và BKS
- Thưởng lợi nhuận vượt kế hoạch (xem tờ trình số 02/LNVKH-2023)
5. Kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2024.
- Tổ chức chuẩn bị cho Đại hội cổ đông thường niên năm 2024.
 - Định kỳ một quý họp một lần và bất thường để giải quyết công việc theo nghị quyết của Đại hội cổ đông đề ra.
 - Tổ chức khảo sát nghiên cứu thị trường nước ngoài, trong nước định kỳ.
 - Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện nghị quyết HĐQT và ĐHCĐ quyết nghị.

Trên đây là toàn bộ báo cáo kết quả SXKD năm 2023, kế hoạch năm 2024 và đánh giá hoạt động của HĐQT và BKS, ban điều hành công ty.

Kính mong được sự xem xét, thảo luận và biểu quyết của Đại hội

Thay mặt HĐQT và Ban điều hành công ty, xin cảm ơn tất cả quý cổ đông đã đóng góp xây dựng để công ty ngày càng phát triển và bền vững.



THỰC HIỆN SXKD NĂM 2023 & KH 2024

TT	CHỈ TIÊU	Đvt	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	Tỷ lệ		Kế hoạch năm 2024	Lưu ý
					so sánh năm 2023	Cùng kỳ		
a	b	c	1	2	3=2/1	4	5	6
I.	Kim ngạch xuất khẩu	(Usd)	36,000,000	36,794,483	102.2%	75.8%	37,800,000	
1	Xuất FOB		29,500,000	28,086,826	95.2%	69.0%	30,975,000	Tăng doanh thu 5%
2	Xuất gia công		6,500,000	8,707,657	134.0%	111.1%	6,825,000	Tăng doanh thu 5%
II.	Doanh thu	(Tr đ)	874,200	869,535	99.5%	77.0%	917,910	
1	Xuất FOB		713,900	662,506	92.8%	70.1%	749,595	Tăng doanh thu 5%
2	Xuất gia công		157,300	205,069	130.4%	111.7%	165,165	Tăng doanh thu 5%
3	Doanh thu khác		3,000	1,959	65.3%	314.1%	2,500	
III.	Sản lượng nhập kho	(Usd)	14,720,534	15,567,572	105.8%	87.5%	15,918,121	
1	Xí nghiệp 123		203,658	188,553	92.6%	27.0%	-	Thu hẹp SX khu vực TPHCM
2	Xí nghiệp 6		6,098,119	6,036,531	99.0%	83.7%	6,802,687	Làm việc 9h, 26 ngày công
3	Xí nghiệp 7		2,418,757	2,435,495	100.7%	84.9%	2,915,434	Làm việc 9h, 26 ngày công
4	Xí nghiệp 45		6,000,000	6,906,993	115.1%	98.4%	6,200,000	
IV.	Lợi nhuận	(Tr đ)						
1	Trước thuế		40,000	91,577	228.9%	79.0%	40,000	
2	Sau thuế		32,000	73,474	229.6%	81.3%	32,000	
V.	Cổ tức							
1	Tỷ lệ chia cổ tức	%	10	15	150.0%	100.0%	10	
2	Cổ tức bằng tiền mặt	(Tr đ)	23,778	35,667	150.0%	100.0%	23,778	
V.	Lao động	Người	2,714	2,503	92.2%	95.5%	2,635	
1	Văn phòng công ty		135	130	96.3%	100.8%	130	
2	Xí nghiệp 123		79	79	100.0%	55.6%	5	Thu hẹp SX khu vực TPHCM
3	Xí nghiệp 6		1,350	1,292	95.7%	99.5%	1,400	
4	Xí nghiệp 7		550	507	92.2%	95.5%	550	
5	Xí nghiệp 45		600	494	82.3%	94.6%	550	
VI.	Thu nhập bình quân	Ngìn/người	9,419	9,895	105.1%	94.2%	9,890	
1	Văn phòng công ty		15,949	14,431	90.5%	107.9%	16,747	
2	Xí nghiệp 123		9,648	8,982	93.1%	86.4%	-	
3	Xí nghiệp 6		7,826	8,093	103.4%	88.9%	8,217	
4	Xí nghiệp 7		8,076	8,858	109.7%	87.8%	8,480	
5	Xí nghiệp 45		11,272	14,623	129.7%	106.6%	11,835	
VII.	Đầu tư xây dựng (1-3)	(Tr đ)	25,000	20,959	83.8%	47.9%	70,000	
1	Thiết bị đầu tư xí nghiệp		20,000	14,873	74.4%	150.8%	15,000	
2	Văn phòng công ty		-	-	-	-	5,000	
3	Nhà xưởng XN6		10,000	6,086	60.9%	17.9%	50,000	

TPHCM ngày 20 tháng 03 năm 2024



Tổng Giám Đốc

HỮU NGHỊ

Nguyễn Văn Duy

**BÁO CÁO KẾT QUẢ SXKD NĂM 2023
VÀ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2024**

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	Tỷ lệ % TH/KH	Kế hoạch năm 2024
A	B	C	1	2	3=2/1	4
A	Tổng số lao động bình quân	người	2.714	2.503	92,23	2.635
B	Kết quả sản xuất kinh doanh					
1	Kim ngạch xuất khẩu giá thanh toán	usd	36.000.000	36.794.483	102,21	37.800.000
2	Tổng doanh thu	tr.đ	874.200	893.174	102,17	917.910
3	Lợi nhuận trước thuế	tr.đ	40.000	91.577	228,94	40.000
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp ngân sách	tr.đ	8.000	18.103	226,29	8.000
5	Lợi nhuận sau thuế	tr.đ	32.000	73.474	229,61	32.000
6	Tổng lợi nhuận còn lại để trích các quỹ và chia cổ tức	tr.đ				
	_ Chi cổ tức	tr.đ	23.778	35.667	150,00	23.778
	_ Trích quỹ đầu tư phát triển	tr.đ	3.200	7.347	229,61	3.200
	_ Quỹ khen thưởng, Phúc lợi	tr.đ	3.200	7.347	229,61	3.200
7	Thu nhập bình quân (1000đ/người/tháng)		9.419	9.895	105,05	9.890
8	Tổng giá trị đầu tư TSCĐ	tr.đ	25.000	20.959	83,84	70.000
C	Chỉ tiêu tài chính					
I	Cơ cấu tài sản và nguồn vốn (số cuối kỳ)					
1	Tổng tài sản	tr.đ	490.000	649.681	132,59	590.000
	_ Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	tr.đ	350.000	520.762	148,79	460.000
	_ Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	tr.đ	140.000	128.919	92,09	130.000
2	Tổng nguồn vốn	tr.đ	490.000	649.681	132,59	590.000
	_ Nợ phải trả	tr.đ	200.000	229.684	114,84	220.000
	Trong đó : vay dài hạn	tr.đ				
	_ Nguồn vốn chủ sở hữu	tr.đ	290.000	419.997	144,83	370.000
	Trong đó : Vốn đầu tư của chủ sở hữu (vốn Đ/Lệ)	tr.đ	237.778	237.778	100,00	237.778
II	Các chỉ tiêu tài chính					
1	Bố trí cơ cấu tài sản					
	- Tài sản dài hạn / tổng tài sản	%	28,57	19,84	69,45	22,03
	- Tài sản ngắn / tổng tài sản	%	71,43	80,16	112,22	77,97
2	Bố trí cơ cấu vốn					
	- Nợ phải trả / tổng nguồn vốn	%	40,82	35,35	86,62	37,29
3	Khả năng thanh toán					
	- Tổng tài sản lưu động / tổng nợ ngắn hạn	lần	1,75	2,27	129,56	2,09
4	Tỷ suất sinh lời					
	- Lợi nhuận trước thuế / vốn điều lệ	%	16,82	38,51	228,94	16,82
	- Lợi nhuận sau thuế / vốn điều lệ	%	13,46	30,90	229,61	13,46

TP, HCM ngày 28 Tháng 03 Năm 2024



Tổng Giám Đốc

Hà Văn Duyệt

TP.HCM, ngày 25 tháng 03 năm 2024

TỜ TRÌNH

Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023

Kính gửi : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP MAY HỮU NGHỊ

* Căn cứ vào điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cp may Hữu nghị

* Căn cứ vào nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2023

* Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty CP may Hữu Nghị đã được kiểm toán đánh giá xác nhận.

Hội đồng quản trị dự kiến phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 trình Đại hội cổ đông phê duyệt như sau:

I/ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2023

1. Tổng lợi nhuận trước thuế :	91.576.863.411 đ
2. Thuế TNDN phải nộp:	18.103.004.325 đ
3. Lợi nhuận sau thuế:	73.473.859.086 đ
Trong đó: Lợi nhuận vượt kế hoạch năm 2023:	41.473.859.086 đ
4. Lợi nhuận sau thuế được phân phối như sau:	
a. Trích quỹ khen thưởng phúc lợi 10% LN sau thuế:	7.347.385.909 đ
b. Trích quỹ đầu tư phát triển 10% LN sau thuế:	7.347.385.909 đ
c. Trích thưởng cho HĐQT 2% lợi nhuận sau thuế vượt KH:	829.477.182 đ
5. Lợi nhuận còn lại:	57.949.610.086 đ

II/ CHIA CỔ TỨC

a. Vốn điều lệ mới 237.789.000.000đ	
b. Chia cổ tức bằng tiền mặt 15% trên vốn điều lệ mới là 1.500đ/cổ phiếu	
c. Tổng số tiền chia cổ tức sau khi trừ cổ phiếu quỹ 1.100 cổ phiếu (1.500đ/cổ phiếu x 23.778.800 cổ phiếu) =	35.666.700.000 đ

III/ SỐ DƯ CHUYỂN NĂM SAU

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối chuyển sang quỹ đầu tư phát triển 57.949.610.086 - 35.666.700.000 =	22.282.910.086 đ
--	------------------

Trên đây là nội dung phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 của Công ty kính trình đại hội

T/M. Hội đồng quản trị

Chủ tịch HĐQT



Hà Văn Duyệt

TỜ TRÌNH

Đề nghị thưởng lợi nhuận vượt kế hoạch năm 2023 cho Hội Đồng Quản Trị

Kính gửi : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP MAY HỮU NGHỊ

*Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty CP may Hữu Nghị đã được kiểm toán đánh giá xác nhận.

Hội đồng quản trị dự kiến thưởng 2% lợi nhuận vượt kế hoạch năm 2023 cho Hội đồng quản trị trình Đại hội cổ đông phê duyệt như sau:

1. Tổng lợi nhuận trước thuế :	91.576.863.411 đ
2. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp:	18.103.004.325 đ
3. Tổng lợi nhuận sau thuế :	73.473.859.086 đ
<i>Trong đó:</i>	
a.Lợi nhuận sau thuế trong kế hoạch:	32.000.000.000 đ
b.Lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch:	41.473.859.086 đ
4. Mức trích thưởng 2% lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch cho HĐQT:	đ
(41.473.859.086 đồng x 2%)	829.477.182 đ

Trên đây là nội dung phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 của Công ty kính trình đại hội

T/M Hội đồng quản trị
Chủ tịch HĐQT

Hà Văn Duyệt

TỜ TRÌNH

Chi phí thù lao, chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

Kính gửi : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP MAY HỮU NGHỊ

*Căn cứ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

*Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty CP may Hữu Nghị đã được kiểm toán đánh giá xác nhận.

I - Hội đồng quản trị báo cáo chi phí thù lao, chi phí hoạt động cho HĐQT và BKS năm 2023 như sau:

1. Tổng doanh thu năm 2023:	893,173,883,532 đ
2. Tổng lợi nhuận trước thuế:	91,576,863,411 đ
3. Tổng chi phí:	801,597,020,121 đ
4. Chi phí thù lao, hoạt động cho HĐQT và BKS là 0.2% trên tổng chi phí: $0,2\% \times 801.597.020.121 =$	1,603,194,040 đ
5. Thực tế đã chi 31/12/2023:	1,587,111,100 đ
6. Chi phí còn lại:	16,082,940 đ

II - Hội đồng quản trị dự kiến mức chi phí thù lao, chi phí hoạt động cho HĐQT và BKS năm 2024 là 0,2% trên chi phí hợp lý hợp lệ

Trên đây là nội dung phương án chi phí thù lao, chi phí hoạt động của Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát kính trình đại hội.

T/M. Hội đồng quản trị

Chủ tịch HĐQT



Hà Văn Duyệt



TỜ TRÌNH

Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2024

TP Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2024.

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HỮU NGHỊ**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần may Hữu Nghị;

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung Lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 như sau:

Để tạo điều kiện thuận lợi trong việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 đạt hiệu quả cao nhất, Ban Kiểm soát sau khi thống nhất với Hội đồng quản trị, đề nghị Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị căn cứ vào năng lực, trình độ và đội ngũ kiểm toán viên chuyên nghiệp của các Công ty kiểm toán độc lập, đạt tiêu chuẩn kiểm toán các Công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán do Ủy Ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận, chủ động lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2024.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng cảm ơn./.

TM. BAN KIỂM SOÁT

Dương Thanh Tùng

BÁO CÁO KIỂM SOÁT NĂM 2023
CÔNG TY CP MAY HỮU NGHỊ

Kính thưa đoàn chủ tịch đại hội đồng cổ đông.

Kính thưa các quý vị đại biểu.

Kính thưa quý cổ đông.

Căn cứ vào điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP May Hữu Nghị;

Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định trong quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty CP May Hữu Nghị;

Căn cứ vào luật kế toán, các quy định về chế độ tài chính kế toán hiện hành và các chuẩn mực kế toán Việt Nam;

Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2023(Đã kiểm toán) lập ngày 05 tháng 03 năm 2024.

Ban kiểm soát đã thực hiện hoạt động kiểm tra, giám sát trên các lĩnh vực về hoạt động tài chính; sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty. Ban kiểm soát xin báo cáo như sau:

I. Tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2023:

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	So sánh	
				TH'2023/TH' 2022	TH'2023/ KH2023
	1	2	3	4=3/1	5=3/2
1. Tổng doanh thu (tr. đ)	1.149.857	874.200	893.174	78%	102%
Doanh thu thuần	1.128.872		869.535	77%	
<i>Trong đó Doanh thu XN 5 :</i>	<i>163.824</i>		<i>158.871</i>	<i>97%</i>	
Doanh thu hoạt động tài chính	19.729		21.747	110%	
Thu nhập khác	1.256		1.892	151%	
2. Chi phí (tr.đ)	1.033.908	834.200	801.597	78%	96%
Giá vốn hàng bán	945.502		726.801	77%	
Chi phí hoạt động tài chính	11.965		7.473	62%	
<i>trong đó: chi phí lãi vay</i>			<i>176</i>		
Chi phí bán hàng	15.068		14.423	96%	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	59.110		52.545	89%	
Chi phí khác	2.262		356	16%	
3. Lợi nhuận (tr. đ)	115.949	40.000	91.577	79%	229%
Lợi nhuận trước thuế	115.949	40.000	91.577	79%	
+ Lợi nhuận thuần từ HĐKD	116.954		90.040	77%	
+ Lợi nhuận khác	(1.006)		1.537	-153%	
Lợi nhuận sau thuế	90.411		73.474	81%	
4. Lao động và thu nhập					
Lao động bình quân (người)	2.630	2.735	2.503	95%	92%
Thu nhập B/Q (tr.đ/ng/tháng)	11.103	10.377	9.894	89%	95%
5. Phân tích tỷ lệ lợi nhuận – chi phí					

- Giá vốn/Doanh thu thuần	84%		84%		
- Chi phí hoạt động TC/DT thuần	1,06%		0,86%		
- Chi phí bán hàng/DT thuần	1,3%		1,7%		
- Chi phí quản lý/Doanh thu thuần	5,2%		6,0%		
- Tỷ suất lợi nhuận gộp/Doanh thu	16,2%		16,4%		
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu (ROS)	8,0%		8,4%		
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	15,3%		11,4%		
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	24,5%		18,0%		
- Tỷ suất sinh lời kinh tế của tài sản (EBIT/Tổng T	19,7%		14,2%		
- Tỷ lệ thu nhập/Vốn sử dụng (EBIT/(Tổng TS-Nợ	7,9%		5,6%		
- EBIT margin (EBIT(LNTT+LV)/Doanh thu)	10,3%		10,6%		

Nhận xét về tình hình sản xuất kinh doanh năm 2023:

Trong các tháng đầu năm tình hình SXKD có nhiều biến động đối với ngành dệt, may, đơn hàng không ổn định, đơn giá thấp. Cơ quan điều hành đã có nhiều giải pháp linh hoạt trong điều hành sản xuất, tìm kiếm đơn hàng nên các đơn hàng sản xuất trong năm 2023 ổn định. Hiệu quả SXKD trong năm đạt 79% so với cùng kỳ (90.040tr. đồng/116.954 tr. đồng), nhưng đạt vượt mức so với Nghị quyết ĐHCĐ giao năm 2023 là 129% (91.577 tr.đồng/40.000 tr. đồng), doanh thu tăng, chi phí giảm .

II. Tình hình tài chính năm 2023:

ĐVT: triệu đồng

STT	Các chỉ tiêu	1/1/2023	12/31/2023	So sánh Chênh lệch	So sánh %/Tổng TS		
					%	1/1/2023	12/31/2023
A	B	1	2	3=2-1	4=2:1	5	6
A	TỔNG TÀI SẢN	641.097	649.681	8.584			
I	Tài sản ngắn hạn	494.964	520.762	25.798		77%	80%
1	Tiền và các khoản tương đương tiền :	223.635	257.963	34.328	115%		
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	30.210		(30.210)			
3	Các khoản phải thu ngắn hạn :	114.638	105.273	(9.366)	92%		
	- Phải thu ngắn hạn khách hàng	92.505	95.814	3.309	104%		
	- Các khoản phải thu khác	22.133	9.459	(12.674)	43%		
4	Hàng tồn kho :	53.843	73.196	19.354	136%	8%	11%
5	Tài sản ngắn hạn khác :	72.638	84.330	11.691	116%		
	Trong đó : Thuế GTGT được khấu trừ	72.549	84.330	11.781	116%	11%	13%
II	Tài sản dài hạn	146.133	128.919	(17.213)		23%	20%
1	Tài sản cố định	114.017	101.729	(12.289)	89%		
2	Tài sản dở dang dài hạn	21.042	21.042	-	100%		
3	Tài sản dài hạn khác:	11.073	6.148	(4.925)	56%		
B	TỔNG NGUỒN VỐN	641.097	649.681	8.584			
1	Nợ ngắn hạn :	243.140	229.684	(13.456)	94%	38%	35%
	Tr đó : + Vay ngắn hạn tại ngân hàng:	0		-			
2	Nợ dài hạn :			-			
3	Vốn chủ sở hữu	397.957	419.997	22.040	106%	62%	65%
	Tr đó : + Vốn đầu tư của chủ sở hữu :	237.789	237.789	-			
	+ Cổ phiếu quỹ	(11)	(11)	-			
	+ Quỹ đầu tư Phát triển:	69.768	78.809	9.041			
	+ Lợi nhuận chưa phân phối năm trước	0	29.936	29.936			
	+ Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	90.411	73.474	(16.938)	81%		
	CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH						
	Khả năng thanh toán hiện hành(TSNH/NNH	2,04	2,27				
	Khả năng thanh toán nhanh(TSNH-TK)/NNH	1,81	1,95				

Khả năng thanh toán tiền mặt(Tiền+ Dâu tu TC NH)/NHH	1,04	1,12			
Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	0,61	0,55			
Tổng tài sản/Vốn CSH	1,61	1,55			
Ngày tồn kho bình quân	28	32			
Ngày thu tiền bình quân	35	46			
Ngày trả tiền bình quân	89	116			
Ngày luân chuyển Vốn lưu động	2,53	1,71			

Nhận xét tình hình tài chính :

1. Tình hình quản lý công nợ, cân đối khả năng trả nợ:

Tình hình tài chính của Công ty đảm bảo an toàn, với chỉ số thanh toán nhanh là 1,95 lần và khả năng thanh toán nợ ngắn hạn là 2,27 lần , hệ số nợ /vốn chủ sở hữu là 0,55 lần <1. Công ty không có khoản công nợ phải thu khó đòi Công nợ của Công ty được đánh giá và phân tích tuổi nợ đều là nợ luân chuyển, Công ty quản lý và thu hồi công nợ tốt

2. Hàng hóa tồn kho:

- Số dư hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2023 là 73.196 triệu đồng, tăng 36 % so với đầu năm (73.196 tr. đồng/53.843 tr. đồng), hàng tồn kho chủ yếu là hàng luân chuyển trong sản xuất và hàng thành phẩm chờ xuất.

Trong đó:

- ✓ Nguyên liệu, vật liệu: 5.959 tr.đồng
- ✓ Công cụ, dụng cụ: 98 tr.đồng
- ✓ Chi phí sản xuất dở dang: 8.264 tr.đồng
- ✓ Thành phẩm: 58.875 tr.đồng

3. Đầu tư xây dựng cơ bản:

- Chi xây dựng cơ bản dở dang chưa hoàn thành trong kỳ là : 21.042 triệu đồng (do mua căn nhà tại số 1 đường số 14 Khu 6A, Xã Bình Hưng, Huyện Bình chánh TP. HCM)

4. Đầu tư mua sắm TSCĐ và CCDC:

- Trong kỳ Công ty đầu tư mua sắm MMTB, CCDC là: 5.456 tr.đồng
- Hoàn thành quyết toán đầu tư XDCB đưa vào sử dụng, nhà ăn cho công nhân và cải tạo nhà máy : 6.086 tr.đồng
- Phương tiện vận tải: 5.936 tr.đồng

5. Chi tiết vốn chủ sở hữu:

- Vốn góp của Tập đoàn dệt may Việt Nam: 69.534 triệu đồng chiếm 29,2%/vốn chủ sở hữu
- Vốn góp của các cổ đông khác: 168.255 triệu đồng chiếm 70,8%/ vốn chủ sở hữu

6. Đánh giá báo cáo tài chính Công ty:

- Số liệu trên báo cáo tài chính năm 2023 đã phản ánh trung thực, hợp lý. Sổ sách chứng từ kế toán được hạch toán phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, lưu trữ, khoa học và tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành.
- Việc tính trích khấu hao tài sản cố định, phân bổ chi phí, đảm bảo theo quy định của chế độ kế toán, luật quản lý thuế và các quy định của pháp luật

III. Về tính trung thực và hợp lý của số liệu:

- Ban kiểm soát xác nhận số liệu về tình hình sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty CP may Hữu
- Nghị theo báo cáo của Tổng giám đốc là phản ánh trung thực và hợp lý trên các nội dung chủ yếu về tình hình tài chính của Công ty.
 - Sổ sách chứng từ kế toán được ghi chép, hạch toán, luân chuyển và lưu trữ đầy đủ đúng theo quy định hiện hành của nhà nước và của Công ty.
 - Tình hình tài chính đều nằm trong sự kiểm soát của Công ty. Các khoản công nợ đều là nợ luân chuyển.
 - Việc trích khấu hao tài sản cố định được duy trì đều đặn. Tình hình tài chính của Công ty hoạt động tốt.

V. Những kiến nghị của Ban kiểm soát:

- Công ty cần đẩy nhanh tiến độ hoàn tất các thủ tục hoàn thuế GTGT đối với Cơ quan thuế .

Trên đây là toàn bộ báo cáo đánh giá thẩm định báo cáo tài chính năm 2023 của Ban Kiểm Soát. Kính trình đại hội đồng cổ đông công ty.

Ban kiểm soát chân thành cảm ơn HĐQT, ban giám đốc, các phòng ban chức năng, các nhà đầu tư đã tạo điều kiện giúp đỡ để ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ.

Kính chúc đại hội thành công tốt đẹp./.

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



Dương Thanh Tùng

Số: 12-2/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần May Hữu Nghị

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần May Hữu Nghị được lập ngày 05 tháng 03 năm 2024, từ trang 5 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần May Hữu Nghị tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Anh Tuấn

Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 1559-2023-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 05 tháng 03 năm 2024

Kiểm toán viên



Nguyễn Văn Tình

Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3919-2022-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		520.762.094.698	494.964.351.630
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	257.963.398.852	223.635.054.131
1. Tiền	111		151.418.484.649	173.635.054.131
2. Các khoản tương đương tiền	112		106.544.914.203	50.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	-	30.210.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	30.210.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		105.272.592.155	114.638.254.273
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	87.808.794.198	92.505.109.840
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	8.004.970.706	14.947.069.441
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	9.458.827.251	7.186.074.992
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	73.196.478.616	53.842.830.062
1. Hàng tồn kho	141		73.196.478.616	53.842.830.062
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		84.329.625.075	72.638.213.164
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		84.329.625.075	72.548.689.321
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	-	89.523.843
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		128.919.401.512	146.132.869.875
I. Tài sản cố định	220		101.728.583.313	114.017.179.614
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	92.870.020.503	104.996.783.470
- Nguyên giá	222		355.738.684.761	343.197.559.474
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(262.868.664.258)	(238.200.776.004)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	8.858.562.810	9.020.396.144
- Nguyên giá	228		11.368.644.950	11.368.644.950
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.510.082.140)	(2.348.248.806)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		21.042.418.477	21.042.418.477
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	21.042.418.477	21.042.418.477
III. Tài sản dài hạn khác	260		6.148.399.722	11.073.271.784
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	6.148.399.722	11.073.271.784
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		649.681.496.210	641.097.221.505



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		229.684.393.098	243.139.911.537
I. Nợ ngắn hạn	310		229.684.393.098	243.139.911.537
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	26.224.588.894	25.321.827.662
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	46.509.637.747	32.159.270.041
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	14.159.660.641	19.192.379.028
4. Phải trả người lao động	314		97.740.716.750	108.954.746.176
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	-	21.193.452.912
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	1.468.863.223	976.798.160
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		43.580.925.843	35.341.437.558
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		419.997.103.112	397.957.309.968
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	419.997.103.112	397.957.309.968
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		237.789.000.000	237.789.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		237.789.000.000	237.789.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Cổ phiếu quỹ	415		(11.000.000)	(11.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		78.809.065.405	69.767.927.120
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		103.410.037.707	90.411.382.848
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		29.936.178.621	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		73.473.859.086	90.411.382.848
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		649.681.496.210	641.097.221.505

Người lập / Kế toán trưởng

Vũ Thị Ngát

Ngày 05 tháng 03 năm 2024

Tổng Giám Đốc



Hà Văn Duyệt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		869.534.864.259	1.128.871.678.548
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	869.534.864.259	1.128.871.678.548
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	726.801.257.741	945.502.277.147
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		142.733.606.518	183.369.401.401
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	21.746.563.078	19.729.045.317
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	7.472.666.373	11.965.328.954
Trong đó : Chi phí lãi vay	23		175.866.262	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	14.422.650.792	15.068.429.764
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	52.544.669.732	59.110.316.362
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		90.040.182.699	116.954.371.638
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.892.456.195	1.256.185.385
12. Chi phí khác	32	VI.8	355.775.483	2.261.919.483
13. Lợi nhuận khác	40		1.536.680.712	(1.005.734.098)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		91.576.863.411	115.948.637.540
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	18.103.004.325	25.537.254.692
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		73.473.859.086	90.411.382.848
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	2.781	3.139

Người lập / Kế toán trưởng

Vũ Thị Ngát

Ngày 05 tháng 03 năm 2024

Tổng Giám Đốc



Hà Văn Duyệt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2023	Năm 2022
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	91.576.863.411	115.948.637.540
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	29.768.227.462	31.487.252.834
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(3.302.538.042)	6.615.910.327
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(8.426.667.619)	(1.837.885.993)
- Chi phí lãi vay	06	175.866.262	-
3. Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	109.791.751.474	152.213.914.708
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(1.811.316.967)	(46.560.320.198)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(19.353.648.554)	37.534.832.950
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(15.772.479.230)	8.081.190.041
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	4.924.872.062	2.959.077.294
- Tiền lãi vay đã trả	14	(175.866.262)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(23.979.892.013)	(11.107.081.124)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(7.527.877.657)	(4.393.118.773)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	46.095.542.853	138.728.494.898
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(17.479.631.161)	(17.123.522.765)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	972.222.222	739.272.727
3. Tiền chi cho vay	23	(82.793.050.285)	(30.210.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay	24	113.003.050.285	-
5. Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng	27	7.454.445.397	1.098.613.266
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	21.157.036.458	(45.495.636.772)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	21.931.916.837	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(21.931.916.837)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(35.666.700.000)	(27.344.470.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(35.666.700.000)	(27.344.470.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	31.585.879.311	65.888.388.126
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	223.635.054.131	163.101.490.039
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	2.742.465.410	(5.354.824.034)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	257.963.398.852	223.635.054.131

Người lập / Kế toán trưởng

Vũ Thị Ngát

Ngày 05 tháng 03 năm 2024

Tổng Giám Đốc



Hà Văn Duyệt